TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRÀ ÔN** **TỈNH VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 25/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 14-4-2023
V/v tranh chấp L hôn".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRÀ ÔN, TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hồ Hoàng Phong

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Ngọc Thùy

2. Ông Nguyễn Văn Bình

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Thạch Thị Tuyền – Thư ký Tòa án nhân nhân huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long: *không tham gia phiên tòa*

Ngày 14 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số:48/2023/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 3 năm 2023 về việc: "Tranh chấp L hôn" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số:36/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 3 năm 2023, giữa:

1. Nguyên đơn: Anh Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1987 "vắng mặt".

Địa chỉ cư trú: ấp Đ, xã N, thị xã B, tỉnh Vĩnh Long.

2. Bị đơn: Chị Nguyễn Thị Kham L, sinh năm 1991 "vắng mặt".

Địa chỉ cư trú: số C, khu Q, thị trấn I, huyện P, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai cùng ngày 08/03/2023 nguyên đơn anh Nguyễn Văn Đ trình bày: Anh và chị Nguyễn Thị Kham L kết hôn vào năm 2016, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện T, tỉnh Vĩnh Long vào ngày 10/11/2016. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống đến tháng 06 năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng không hợp nhau, do làm ăn kinh tế gặp khó khăn nên vợ chồng thường bất hòa trong cuộc sống hàng ngày, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng nhiều, không hàn gắn lại được nên đã

L thân từ khoản tháng 6 năm 2021 đến nay. Nay anh xác định vợ chồng không còn tình cảm, không có thiện chí đoàn tụ. Từ đó anh yêu cầu được L hôn với chị Kham L. Quá trình chung sống vợ chồng không có con chung và tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 23/3/2023 bị đơn chị Nguyễn Thị Kham L trình bày: Về thời gian kết hôn, thời gian chung sống và mâu thuẫn vợ chồng như nguyên đơn trình bày. Chị cũng xác định vợ chồng không có con chung, tài sản chung. Chị xét thấy vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn, bất hòa không thể hàn gắn được và đồng ý L hôn với anh Đ. Con chung, nợ chung không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi thụ lý đơn của anh Nguyễn Văn Đ, Tòa án đã tống đạt thông báo về việc thụ lý vụ án; thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai, chứng cứ và hòa giải cho bị đơn nhưng phía bị đơn chị Nguyễn Thị Kham L có văn bản đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt và nguyên đơn cũng có văn bản đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt nên vụ án không hòa giải được và cũng không mở phiên họp về việc kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ được giữa các đương sự nên Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử vắng mặt các đương sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, qua kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Về thẩm quyền giải quyết: anh Nguyễn Văn Đ khởi kiện yêu cầu L hôn với chị Nguyễn Thị Kham L, có địa chỉ số C, khu Q, thị trấn P, huyện Y, tỉnh Vĩnh Long. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28 và Đ a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện P. Do đó, Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Vĩnh Long thụ lý giải quyết theo thủ tục sơ thẩm là đúng thủ tục tố tụng.

- Về người tham gia tố tụng:

Nguyên đơn anh Nguyễn Văn Đ và bị đơn chị Nguyễn Thị Kham L đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

Anh Nguyễn Văn Đ và chị Nguyễn Thị Kham kết hôn và có đăng ký kết hôn ngày 10/11/2016 tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện T, tỉnh Vĩnh Long, theo giấy chứng nhân kết hôn số: 101/2016 và anh Đ, chị Kham L kết hôn cũng đảm bảo các điều kiện kết hôn theo quy định của pháp luật nên đây là hôn nhân hợp pháp.

Xét lời trình bày của anh Đ và chị Kham L cho rằng thời gian vợ chồng chung sống đến tháng 6/2021 thì phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng không hợp nhau do làm ăn kinh tế gặp khó khăn nên vợ chồng thường bất hòa trong cuộc sống và vợ chồng đã L thân từ khoản tháng 6/2021 đến nay. Anh Đ và chị Kham L đều xác định hiện tại tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt, đồng ý L hôn. Nên căn cứ Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình nên chấp nhận yêu cầu L hôn của anh Nguyễn Văn Đ và chị Nguyễn Thị Kham L.

[3] Về con chung, tài sản chung nguyên đơn và bị đơn xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên miễn xét.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Đ phải nộp 300.000đồng theo quy định Đ a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; Đ a khoản 1 Điều 35; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng: Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Nguyễn Văn Đ.

1. Về hôn nhân:

Xử cho anh Nguyễn Văn Đ được L hôn với chị Nguyễn Thị Kham L

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Nguyễn Văn Đ phải nộp 300.000đồng nhưng được nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) anh Đ đã nộp theo biên lai thu số 003967 ngày 08/3/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện P, tỉnh Vĩnh Long.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc ngày niêm yết bản án tại nơi cư trú.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

ĐÃ KÝ

Hồ Hoàng Phong

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện P;
- Thi hành án dân sự huyện P;
- Uỷ ban nhân dân xã N, huyện T, Vĩnh Long (Giấy kết hôn số: 101, ngày 10/11/2016);
- Lưu hồ sơ vụ án.